

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày: 09/7/2019.

*“V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Trí.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Đăng Tuấn.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 và T báo thời gian mở lại phiên tòa số 10/2020/TB-TA ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Minh T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số F6/15E1, Ấp 6B, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Bùi Ngọc L, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Bùi Ngọc Hoàng K, sinh ngày 10/02/2013; Nơi cư trú: Số F6/15E1, Ấp 6B, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*[1]. Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn - chị Phan Thị Minh T như sau:*

Chị T và anh Bùi Ngọc L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau làm ăn sinh sống tại TPHCM, nhưng khoảng 2-3 năm sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Từ những chuyện xích mích trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, dần khiến cho hai bên tạo nên những mâu thuẫn lớn hơn, cãi nhau nhiều, rồi anh L bắt đầu có hành vi không tôn trọng chị T, cãi nhau rồi đánh đập chị T, không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn để tạo thu nhập lo cho gia đình.

Do xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đến khoảng năm 2017 thì giữa chị T và anh L bắt đầu sống ly thân, mỗi người tự lo cho cuộc sống, không quan tâm tới nhau nữa. Thời gian sống ly thân đến nay đã lâu nhưng cả hai đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay chị T nhận thấy không còn tình cảm đối với anh T nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì khả năng vợ chồng không thể quay về chung sống được nữa.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có hai người con chung tên là Bùi Ngọc Hoàng K, sinh ngày 10/02/2013 và Bùi Ngọc An Nh, sinh ngày 18/3/2017. Cả hai người con chung đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hiện nay chị T có nghề nghiệp công việc và thu nhập ổn định, có nơi ở ổn định tại địa chỉ F6/15E1, Ấp 6B, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh nên có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu chứng cứ chị T cung cấp gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, 02 bản sao giấy khai sinh con chung; bản phô tô (có chứng thực) sổ hộ khẩu; bản phô tô có chứng thực chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị Minh T.

*[2].* Qua xác minh tại địa phương xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận xác định anh Bùi Ngọc L hiện nay vẫn đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã Đ, huyện T. Thế nhưng, anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng về địa phương. Anh L không có đăng ký tạm vắng nên địa phương xã Đ không biết hiện nay anh L đang ở đâu.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Bùi Ngọc L không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để giải quyết vụ án ly hôn với chị Phan Thị Minh T. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn anh L trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L không cung cấp tài liệu chứng cứ.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến như sau:

*Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định BLTTDS, tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Minh T được ly hôn với anh Bùi Ngọc L.

Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Minh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung tên là Bùi Ngọc Hoàng K, sinh ngày 10/02/2013 và Bùi Ngọc An Nh, sinh ngày 18/3/2017 cho đến khi thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phan Thị Minh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp đủ).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Phan Thị Minh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Bùi Ngọc L đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] *Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy*:

Chị T và anh L chung sống với nhau có đăng ký kết tại UBND xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2012, theo giấy chứng kết hôn số 162, ngày 10/8/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ những xích mích trong cuộc sống hàng ngày không tự hàn gắn được dần dần trở thành những mâu thuẫn lớn hơn. Do xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đến khoảng năm 2017, chị T và anh L chính thức ly thân, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L.

Qua xác minh tại địa phương xã Đ thể hiện: Anh L có hộ khẩu, nơi cư trú nhưng đi làm thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Thời gian đi làm thì vẫn có về địa phương. Do bị đơn anh T thường đi làm vắng nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng về phiên họp, hòa giải, tuy nhiên anh L không về để tham gia tố tụng và đều vắng mặt không có lý do. Như vậy thể hiện bản thân anh L không mong muốn hòa giải đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau.

Trên cơ sở đó đã xác định Chị T và anh L đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Để cho chị T có điều kiện ổn định cuộc sống, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh L, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có hai người con chung tên là Bùi Ngọc Hoàng K, sinh ngày 10/02/2013 và Bùi Ngọc An Nh, sinh ngày 18/3/2017. Cả hai người con chung đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung nêu trên cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con. Riêng đối với cháu K đã trên 7 tuổi có nguyện vọng muốn sống với chị T.

Anh Bùi Ngọc L không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình yêu cầu về con chung, mặc dù đã được tòa án tổng hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó để

đảm bảo quyền lợi và môi trường sống ổn định của các con, cần giao cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung nêu trên cho đến khi thành niên, anh L được quyền thăm nom chăm sóc con chị T không được ngăn cản là phù với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về án phí*: Cần buộc chị Phan Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - chị Phan Thị Minh T.

- *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị Minh T được ly hôn với anh Bùi Ngọc L.

- *Về con chung*:

+ Tiếp tục giao cho chị Phan Thị Minh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 hai người con chung tên Bùi Ngọc Hoàng K, sinh ngày 10/02/2013 và Bùi Ngọc An Nh, sinh ngày 18/3/2017 cho đến khi thành niên. Anh Bùi Ngọc L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

+ Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ *Về án phí*: Buộc chị Phan Thị Minh T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà chị T đã nộp, theo biên lai số N 003356 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã V, huyện B, TP.HCM;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Mạnh Trí**